

NHỮNG BÀI HAY TRÊN TẠP CHÍ DÂN TỘC HỌC NĂM 2011 - VÀI GHI NHẬN

BÙI XUÂN ĐÌNH

Đầu năm 2012, Ban Biên tập Tạp chí Dân tộc đã tiến hành tuyển chọn những bài hay của các số tạp chí năm 2011. Trong tổng số 51 bài nghiên cứu được công bố trên 6 số tạp chí, có 14 bài được đề xuất, trong đó có 6 bài với số phiếu cao nhất, được lựa chọn là bài hay của năm (xem *Thông báo kết quả tuyển chọn bài hay trên Tạp chí Dân tộc học năm 2011*, Số 1 - 2012).

Cũng như các năm trước, những bài hay của năm nay phản ánh tính đa diện của các vấn đề đã và đang nổi lên trong đời sống các tộc người cũng như trong nghiên cứu Dân tộc học/Nhân học ở nước ta. Đó là các vấn đề về thiết chế xã hội truyền thống trong xã hội hiện nay, quan hệ xã hội trong tang ma, thích ứng văn hóa và đô thị hóa, tôn giáo, kinh tế và nghiên cứu cộng đồng cư dân ở nước ngoài, với bốn tộc người có liên quan là Chăm, Việt, Nùng, Hmông.

Tinh phát hiện vấn đề - tiêu chí đầu tiên để được tuyển chọn bài báo hay tiếp tục được thể hiện rõ qua các bài viết năm nay. Lý Hành Sơn đi tìm thực trạng tồn tại và ảnh hưởng của các thiết chế xã hội truyền thống (hay thiết chế phi quan phương) trong xã hội người Chăm hiện nay. Trần Thị Hồng Yến tiếp mạch về đô thị và đô thị hóa của người Việt từ góc độ thích ứng văn hóa của các nhóm cư dân từ các địa phương khác nhau đến lập nghiệp tại một trung tâm huyện lỵ của tỉnh Sơn La. Lâm Minh Châu nhìn hiện tượng “vay tiền” ở đền Bà Chúa Kho (tỉnh Bắc Ninh)

- một hiện tượng tín ngưỡng đã quá quen thuộc trong đời sống tâm linh của các tầng lớp cư dân, nhất là những người buôn bán, kinh doanh hơn hai chục năm nay dưới góc nhìn “cái tôi” và niềm tin tôn giáo. Nguyễn Anh Tuấn từ một cuốn sổ ghi chép danh sách những người đến phúng viếng đám tang đã chỉ ra các mối quan hệ xã hội và tập quán giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống của người Nùng. Vũ Thị Trang nhìn các tri thức nuôi ngựa của người Hmông như là một yếu tố của văn hóa tộc người. Đặc biệt, Nguyễn Vũ Hoàng đề cập đến đời sống của cộng đồng người Việt ở Mỹ. Đây là nghiên cứu các cộng đồng cư dân của các tộc người đang định cư ở nước ngoài hay vấn đề quan hệ nội tộc người xuyên quốc gia - một khía cạnh của Nhân học xuyên quốc gia mà Dân tộc học/Nhân học ở nước ta còn đang để ngỏ.

Nguồn tư liệu phong phú tiếp tục được thể hiện rõ qua các bài viết được xét là bài báo hay năm nay. Bài của Vũ Thị Trang có thể coi là ví dụ tiêu biểu cho sự tỉ mỉ trong khảo tả tư liệu về một lĩnh vực nghiên cứu Dân tộc học: chăn nuôi truyền thống của tộc người ở một địa bàn cụ thể (nuôi ngựa của người Hmông ở huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai). Mỗi khía cạnh của việc nuôi ngựa (chọn ngựa, thuần hóa ngựa, đóng móng cho ngựa, thức ăn và thuốc chữa bệnh cho ngựa...) được nhìn nhận từ nhiều chiều. Bài của Trần Thị Hồng Yến đưa ra các tư liệu rất sinh động về thích ứng của ba nhóm cư dân Việt khi

chuyển cư lên một địa bàn miền núi. Các bài viết khác đều có nguồn tư liệu khảo tả rất tỷ mỉ và phong phú.

Nguồn tư liệu phong phú làm nền vững chắc cho việc *lý giải khá lý thú cho vấn đề được phát hiện*. Lý Hành Sơn chỉ rõ các yếu tố tôn giáo (các đền tháp, chùa, thánh đường nhìn từ hoạt động xã hội), mối liên kết dòng họ theo chế độ mẫu hệ, các hội đồng già làng và đội ngũ thầy cúng, các hội đồng hương... có cơ sở tồn tại, ảnh hưởng to lớn, lâu bền trong xã hội truyền thống, ngày nay vẫn ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến các mặt đời sống, đến sự phát triển của các cộng đồng cư dân Chăm theo các tôn giáo khác nhau; đặc biệt ảnh hưởng tới quan hệ với các thiết chế quan phương (hay các tổ chức trong hệ thống chính trị); thậm chí đang có xu hướng mở rộng hoạt động từ phạm vi tôn giáo và cố kết cộng đồng sang các lĩnh vực hỗ trợ đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, nhất là những trí thức quan tâm bảo vệ lợi ích của người Chăm.

Lâm Minh Châu khi nghiên cứu hiện tượng “vay tiền” ở đền Bà Chúa Kho đã chỉ rõ, hiện tượng các “tín đồ” không quản tốn kém, vất vả và phiền phức để vay cho được và trả cho được gấp nhiều lần tiền của Bà Chúa Kho - vị thần mà họ tin tưởng tôn thờ, không hoàn toàn là “một hình thức của mê tín và lạc hậu, một dạng thương mại hóa tôn giáo” hay “phản ánh tác động của kinh tế thị trường trong việc kích thích lòng tham và sự ích kỷ, làm xói mòn các giá trị đạo đức truyền thống”... như nhiều nhà nghiên cứu đã nhận xét. Điều đó trước hết nhằm đạt được “sự hài lòng” của Bà Chúa - như là một trợ giúp về tâm lý, tinh thần để giảm thiểu sự rủi ro, gặp được thuận lợi hơn trong kinh doanh. Họ cho rằng, thành công trên thương trường được quyết định không chỉ nhờ năng lực kinh

doanh, tính toán kinh tế mà còn nhờ có thần thánh phù hộ. Vay tiền Bà Chúa Kho còn để cầu về sức khỏe, an toàn, thành công trong hôn nhân, học tập... cho bản thân, gia đình. Cái tôi và niềm tin tôn giáo truyền thống với các đấng siêu nhiên có vai trò to lớn trong việc hình thành quan niệm của con người đối với những biến đổi kinh tế.

Nguyễn Anh Tuấn đã chỉ ra bản chất của việc ghi danh sách (cùng với số tiền) những người đến phúng viếng đám tang của người Nùng Phàn Sinh tại một địa phương không chỉ là một “món nợ đời” hay “nợ đồng lân”, mà còn là sự trợ giúp cộng đồng, một tập quán tốt đẹp của các cộng đồng cư dân các tộc người trong việc tang, việc cưới. “Số nợ đời” biểu hiện các mối quan hệ xã hội, hơn nữa còn phản ánh mối liên hệ liên mạng xã hội. Đó còn là một nguồn vốn xã hội của các cộng đồng cư dân. Ngày nay, khi cư trú đan xen và quan hệ giữa các tộc người ngày càng gia tăng, ảnh hưởng của người Việt với các tộc người thiểu số ở các vùng miền núi ngày càng lớn thì nguồn vốn xã hội đó góp phần vào sự ổn định và phát triển của các cộng đồng cư dân.

Trần Thị Hồng Yến từ những tư liệu về cung cách ứng xử với các khía cạnh chính trị - xã hội, kinh tế và văn hóa của ba nhóm cư dân Việt từ ba tỉnh Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên lên sinh sống tại một trung tâm huyện lỵ Quỳnh Nhai (tỉnh Sơn La) vào các thời điểm khác nhau đã chỉ ra vai trò của người Việt đối với sự phát triển của miền núi, nhất là ở các đô thị; qua đó thấy được sự uyển chuyển trong thích ứng của từng nhóm cư dân với môi trường sống mới: hoặc tạo dựng nên ngành tiểu công nghiệp và dịch vụ xây dựng; hoặc khởi xướng và kích hoạt nền thương nghiệp hàng hóa phát triển mạnh. Từ vị thế

kinh tế, hai nhóm cư dân đó đã tạo ra một cơ cấu xã hội mới, gồm thành phần cư dân phi nông nghiệp với số lượng lớn. Song giữ vai trò quan trọng nhất đối với sự phát triển của đô thị miền núi này là nhóm cư dân từ Thái Bình chuyển lên từ đầu thập kỷ 60 của thế kỷ trước, theo chủ trương “Vận động đồng bào miền xuôi đi xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa miền núi” của Chính phủ. Ngoài việc giữ được những nét cơ bản của văn hóa tại quê cũ, nhóm người Việt Thái Bình đã hòa đồng với người Thái, tiếp thu những tinh hoa của văn hóa Thái thông qua các quan hệ hôn nhân, công tác xã hội...; đồng thời cũng phát huy những tinh hoa của văn hóa Việt đối với người Thái. Bản sắc văn hóa Thái đã đan hòa với văn hóa Việt. Mỗi nhóm một vẻ, song họ hợp thành chủ thể sáng tạo của nền văn minh đô thị ở một huyện miền núi.

Từ những lý giải các vấn đề được nghiên cứu, các bài viết đặt ra những vấn đề đối với thực tiễn cuộc sống ngày nay của các tộc người, các nhóm cư dân và gợi mở những hướng nghiên cứu mới, cách nhìn mới. Bài của Lý Hành Sơn lưu ý các nhà quản lý và chính sách trong xử lý một vấn đề nhạy cảm là các thiết chế xã hội truyền thống, nhất là các thiết chế gắn với tôn giáo tồn tại độc lập, song song với hệ thống chính trị, song gần gũi hơn với người dân, hoạt động hiệu quả hơn và là chỗ dựa cho dân hơn so với các thiết chế trong hệ thống chính trị.

Vũ Thị Trang đặt vấn đề bảo tồn loài ngựa và các tri thức nuôi ngựa - con vật gắn với nhiều yếu tố văn hóa của người Hmông xưa kia trong điều kiện cuộc sống ngày nay đã có nhiều loại xe, công cụ thay thế vai trò của con ngựa. Lâm Minh Châu nêu việc giải quyết vấn đề cái tôi và niềm tin tôn giáo truyền thống trong xã hội hiện nay, lưu ý các

nhà nghiên cứu cũng như các nhà quản lý cần “đa chiều hơn” trong việc đánh giá các hiện tượng tôn giáo, trong trường hợp đang bàn - hiện tượng “vay tiền Bà Chúa Kho” cần thoát ly khỏi cách tiếp cận theo phương pháp cấu trúc luận, mà phải xem xét mục đích, giá trị, hay sự sáng tạo của bản thân các tín đồ cũng như tính phức tạp của niềm tin tôn giáo. Nguyễn Anh Tuấn chỉ ra các yếu tố trong tang ma (cũng như các phong tục tập quán khác) là tham số chung góp phần xây dựng và củng cố mối liên hệ nội tộc người và liên tộc người trong mạng lưới các quan hệ xã hội chằng chéo, phức tạp, trong một khung cảnh nền kinh tế - xã hội luôn có nhiều thay đổi. Trần Thị Hồng Yên đặt vấn đề phát huy vai trò năng động của người Việt trong sự phát triển của các đô thị miền núi, tạo các điều kiện để họ sinh sống lâu dài ở miền núi, chứ không phải chỉ lên làm kinh tế nhất thời. Đặc biệt, bài của Nguyễn Vũ Hoàng từ một số lý thuyết của thế giới về nghiên cứu “cộng đồng hải ngoại” và “xuyên quốc gia”, từ các số liệu, tư liệu về các cộng đồng người Việt định cư ở Mỹ vào các thời điểm khác nhau, đã gợi mở một hướng nghiên cứu mới cho Dân tộc học/Nhân học ở nước ta. Đó là nghiên cứu các cộng đồng cư dân của các tộc người đang định cư ở nước ngoài (không chỉ người Việt, mà cả người Chăm, Thái, Hmông...), hay nghiên cứu quan hệ tộc người xuyên quốc gia, hoặc Nhân học xuyên quốc gia.

Những nhận xét trong bài viết ngắn này chưa nói hết được cái mới, cái hay trong 6 bài viết. Xin chúc mừng các tác giả và hy vọng, lần tuyển chọn sắp tới, Tạp chí Dân tộc học sẽ có những bài đưa ra những vấn đề nghiên cứu mới hơn, với nguồn tư liệu phong phú, các nhận xét mới, bám sát thực tế cuộc sống và mở ra những hướng nghiên cứu mới.